

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 137/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-12-2020

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hòa

Ông Hồ Viết Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1995;

Địa chỉ cư trú: Xóm 1, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm 1, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện tại: T - Ken, T - Shi, Kitaokinosu 4 chome 6 bang 58 go, Japan (Nhật Bản); vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Văn S, sinh năm 1966;

Bà Lê Thị H, sinh năm 1963;

Đều cùng địa chỉ cư trú: Xóm 1, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh H trình bày:

Chị và Anh Bùi Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An vào ngày 27 tháng 6 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm. Đến

tháng 12 năm 2017 Anh Bùi Văn L đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc bình thường, nhưng sau đó do mâu thuẫn về tính tình và kinh tế không cùng quan điểm dẫn đến tình cảm dần mất đi nên vợ chồng không còn thường xuyên liên lạc với nhau. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Bùi Văn L.

Về con chung: Chị và Anh Bùi Văn L có 01 con chung; từ trước đến nay, con chung ở với chị và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng do thời gian tới chị đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc còn Anh L hết thời hạn hợp đồng lao động về Việt Nam vào tháng 01 năm 2021 nên chị và Anh L thỏa thuận: Nếu vợ chồng ly hôn thì giao cho Anh Bùi Văn L được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Thị Yến Nh, sinh ngày 22/02/2015 đến lúc con chung trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và Anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và Anh Bùi Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Bùi Văn L đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án nên anh đã gửi bản tự khai và các tài liệu đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trình bày:

Anh thừa nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị H trình bày. Anh và chị Phạm Thị Thanh Huyền kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An vào ngày 27 tháng 6 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do trước đó năm 2017 anh đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản. Thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc nhiều và quan tâm chăm sóc con cái nhưng về sau vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm lẫn nhau nữa. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Phạm Thị Thanh H làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị Thanh H có 01 con chung là Bùi Thị Yến Nhi, sinh ngày 22/02/2015. Hiện con chung đang được bố mẹ anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của anh là được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến lúc trưởng thành vì chị H cũng đang làm thủ tục đi lao động ở nước ngoài, còn anh chuẩn bị hết hạn hợp đồng về Việt Nam vào tháng 01/2021. Trong thời gian anh đang ở nước ngoài thì anh nhờ bố, mẹ đẻ là Ông Bùi Văn S và bà Lê Thị H trông nom, chăm sóc cháu Bùi Thị Yến Nh. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Phạm Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, anh đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, đi lại khó khăn nên không thể về Việt Nam và có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt anh. Đồng thời anh đề nghị Tòa án gửi các văn bản của Tòa án đến bố, mẹ anh là Ông Bùi Văn S và bà Lê Thị H; trú tại: Xóm 1, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; bố, mẹ anh sẽ có trách nhiệm thông báo và gửi cho anh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Bùi Văn S và bà Lê Thị H thống nhất trình bày:

Ông, bà đã biết được Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang giải quyết vụ án ly hôn giữa Anh Bùi Văn L và chị Phạm Thị Thanh H do anh L và chị H thông báo. Anh L có gọi điện thoại cho gia đình trao đổi, hiện nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Huyền không còn nên thống nhất ly hôn nhưng vì tình hình dịch bệnh Covid 19 nên anh không đi xác nhận được giấy tờ tại Đại sứ quán Việt Nam ở Nhật Bản nên có viết bản khai gửi về cho Ông Bùi Văn S để nộp lên Tòa án. Ông, bà cam đoan đây là văn bản do Anh L viết, ký và điểm chỉ.

Anh L và chị H thỏa thuận về việc nuôi con gia đình không có ý kiến gì. Còn cháu Bùi Thị Yến Nhi, trước đó được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng đến tháng 9 năm 2020 cháu về ở với ông bà để tiện cho việc đi học tại trường Mầm non xã B. Việc Anh L có nhờ ông, bà chăm sóc cháu Bùi Thị Yến Nhi trong thời gian Anh L đang lao động ở nước ngoài thì ông, bà cam đoan sẽ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu chu đáo và không yêu cầu anh Lập, chị H phải trả tiền công sức trông nom, chăm sóc cháu.

Vì bận công việc nên ông S, bà H không thể trực tiếp đến Tòa án tham gia phiên tòa nên ông, bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc Anh L có nhờ ông, bà nhận các văn bản của Tòa án thì ông, bà sẽ nhận và có trách nhiệm thông báo, gửi cho anh Lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Thanh H có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Bùi Văn L hiện cư trú tại nước Nhật Bản; trước xuất cảnh, Anh L có địa

chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì Anh Bùi Văn L không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và các đương sự không yêu cầu hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: chị Phạm Thị Thanh Huyền, Ông Bùi Văn S và bà Lê Thị H đều cư trú tại Việt Nam, đã viết bản tự khai và cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nhưng do bận công việc không tham gia phiên tòa được nên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Bùi Văn L đang cư trú tại nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã gửi các tài liệu, bản tự khai đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Các đương sự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về các tài liệu, chứng cứ mà các bên đã cung cấp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh H và Anh Bùi Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An vào ngày 27 tháng 6 năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm, đến tháng 12 năm 2017, Anh Bùi Văn L đi xuất khẩu lao động sang nước Nhật Bản. Thời gian đầu, vợ chồng vẫn liên lạc và quan tâm con cái nhiều, nhưng sau đó do mâu thuẫn về tính tình và kinh tế không cùng quan điểm dẫn đến tình cảm dần mất đi nên vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Hiện tại, chị Phạm Thị Thanh H và Anh Bùi Văn L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thanh H và Anh Bùi Văn L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Phạm Thị Thanh H yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh H và Anh Bùi Văn L có 01 con chung. Tuy nhiên, hiện nay Anh L đang ở nước ngoài đến tháng 01 năm 2021 thì về Việt Nam còn chị H đang làm thủ tục để đi xuất khẩu lao động ra nước ngoài nên chị H và Anh L thỏa thuận: Giao cho Anh Bùi Văn L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Thị Yến Nh, sinh ngày 22/02/2015 đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và Anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Do Anh Bùi Văn L đang sinh sống và lao động ở nước ngoài nên có nhờ Ông Bùi Văn S và bà Lê Thị H (bố, mẹ đẻ của anh L) trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Yến Nh trong thời gian Anh L ở nước ngoài. Ông S, bà H tự nguyện nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu chu đáo cho đến khi Anh L về Việt Nam. Về công sức trông nom, chăm sóc cháu Bùi Thị Yến Nh: Ông S và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Thanh H và Anh Bùi Văn L không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh H và Anh Bùi Văn L được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Chị Phạm Thị Thanh H và Anh Bùi Văn L có 01 con chung;

Giao cho Anh Bùi Văn L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Thị Yến Nhi, sinh ngày 22/02/2015 đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Yến Nhi: Chị H, Anh L và Ông Bùi Văn S, bà Lê Thị H tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Phạm Thị Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Thanh H và Anh Bùi Văn L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000126 ngày 14/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Phạm Thị Thanh H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thanh H, Ông Bùi Văn S và bà Lê Thị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Bùi Văn L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã B, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Văn Quỳnh